



BÁO CÁO TRIỂN KHAI KẾT LUẬN PHIÊN HỌP TOÀN THỂ LẦN THỨ NHẤT BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH



TĂNG TRƯỞNG XANH: CƠ HỘI ĐỘT PHÁ VÀ HƯỚNG ĐI CHO VIỆT NAM

BÁO CÁO TÓM TẮT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

TĂNG TRƯỞNG XANH: CƠ HỘI ĐỘT PHÁ VÀ HƯỚNG ĐI CHO VIỆT NAM

(Báo cáo triển khai Kết luận Phiên họp toàn thể lần thứ nhất Ban Chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh)

Tăng trưởng xanh là quá trình cơ cấu lại các hoạt động kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hài hòa với các mục tiêu bền vững môi trường và công bằng xã hội¹. Tăng trưởng xanh được xác định là xu hướng tất yếu trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Nhiều quốc gia, bao gồm cả các nước phát triển như Hàn Quốc, Canada, Liên Minh Châu Âu, Nhật Bản cũng như các nước đang phát triển như Trung Quốc, Malaysia, Nam Phi đều đã có những bước tiến lớn trong việc xây dựng hệ thống cơ sở pháp lý, chiến lược, lộ trình, cũng như triển khai tiến tới tăng trưởng xanh².

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng đã có những bước tiến trong việc xây dựng động lực thúc đẩy tăng trưởng xanh nhờ ban hành các chiến lược, chính sách quan trọng cùng với các cam kết mạnh mẽ trên thương trường thế giới. Điển hình là việc thông qua Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 (PTR0) tại Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26) và trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.

Để đẩy nhanh việc triển khai chiến lược tăng trưởng xanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) cùng với sự hỗ trợ của The Boston Consulting Group (BCG) đã triển khai dự án “Chiến lược tăng tốc cho tăng trưởng xanh Việt Nam”. Trong báo cáo này, Bộ KH&ĐT xin trình bày những kết quả quan trọng nhất của dự án, bao gồm các đánh giá chiến lược về tình hình phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam thời hiện tại, các định hướng chính để đẩy nhanh quá trình triển khai chiến lược và sử dụng tốt nhất các nguồn lực, cùng với đề xuất về các bước cụ thể tiếp theo.

¹ Nguồn: Báo cáo thuyết minh chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050

² Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Hàn Quốc (2008) và Chính sách mới (2021), Chiến lược tăng trưởng xanh của Nhật Bản thông qua đạt được mức trung hòa các-bon vào năm 2050 (2020), Chiến lược phát triển bền vững của Đức (2021), Nền kinh tế xanh thích ứng với biến đổi khí hậu của Ethiopia (2011), Quy hoạch tổng thể công nghệ xanh của Malaysia (2017)

I. Hiện trạng phát triển của tăng trưởng xanh tại Việt Nam: tiềm năng và những thách thức

Nhờ vào quyết tâm của Nhà Nước và các chính sách, chiến lược đã được vạch ra, Việt Nam đã đạt được một số thành công bước đầu về tăng trưởng xanh. Trong giai đoạn 2010 đến năm 2020, ước tính có khoảng 9 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tập trung vào các ngành năng lượng tái tạo và sản xuất trang thiết bị, máy móc cho các dự án thuộc các lĩnh vực tăng trưởng xanh. Các khoản đầu tư này cùng với các doanh nghiệp trong nước bước đầu xây dựng nền kinh tế xanh tại Việt Nam với mức 6,7 tỷ USD vào năm 2020 (khoảng 2% GDP tại Việt Nam) cùng với đà tăng trưởng mạnh mẽ, khoảng 10-13% mỗi năm trong vòng 2 năm qua³.

Đối với việc huy động nguồn tài chính cho tăng trưởng xanh, thị trường tại Việt Nam đã có bước đầu phát triển, với những tổ chức, đơn vị trong và ngoài nước thể hiện cam kết phát triển bền vững và hướng đến những dự án xanh, thân thiện với môi trường. Điển hình nhất cho các tổ chức quốc tế có thể kể đến Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) với hơn 11,6 tỷ USD tổng giá trị cam kết cho những khoản vay, viện trợ và hỗ trợ kỹ thuật đối với những dự án, chương trình xanh và bền vững tại Việt Nam từ lúc thành lập đến nay⁴. Nguồn lực từ các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân cũng ngày càng chiếm tỉ trọng lớn trong đầu tư xanh – đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng và môi trường. Tổng vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước, trong năm 2019 đạt 3,4 tỷ USD cho năng lượng tái tạo, tăng 72% so với năm 2017 và 1,3 tỷ USD cho lĩnh vực môi trường, tăng 35% so với năm 2017⁵. Tuy nhiên, tài chính xanh tại Việt Nam nhìn chung vẫn còn non trẻ, chưa triển khai, áp dụng hiệu quả những công cụ tài chính mới so với thị trường quốc tế. Cụ thể, tín dụng xanh vẫn là công cụ huy động vốn chủ yếu cho các dự án với tốc độ tăng trưởng trung bình đến 25%/năm. Tổng dư nợ tín dụng xanh đạt hơn 18,7 tỷ USD vào 2021 (tăng 33% so với năm 2020), chiếm 4,2% tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế và 5,27% GDP⁶. Trong khi đó, các công cụ tài chính mới được áp dụng phổ biến trên thế giới lại thiếu sự hiện diện tại Việt Nam. Tiêu biểu, thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam vẫn còn tương đối mới mẻ. Cụ thể, đến hết năm 2020, Việt Nam mới có 4 đợt phát hành trái phiếu xanh với tổng trị giá gần 284 triệu USD⁷. Năm 2021, CTCP Bất động sản BIM đã công bố phát hành thành công 200 triệu USD trái phiếu quốc tế niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Singapore. Đây là trái phiếu doanh nghiệp xanh đầu tiên của Việt Nam. Năm 2022, thị trường trái phiếu xanh nội địa đã có bước đầu phát triển với EVNFinance là tổ chức đầu tiên phát hành trái phiếu xanh tại thị trường Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế trị giá hơn 75 triệu USD vào năm 2022⁸. So với đối chuẩn, thị trường trái phiếu xanh toàn cầu tăng khoảng 3 lần trong giai đoạn 2018-2020 từ 180 tỷ lên 520 tỷ USD, trong khi lượng trái phiếu xanh Trung Quốc được phát hành tăng gấp đôi trong giai đoạn 2016 – 2021, từ 70 tỷ lên 140 tỷ USD nhờ xây dựng chính sách,

³ Nguồn: Niên giám thống kê, phân loại ngành kinh tế xanh bởi nhóm nghiên cứu, dựa theo Hướng dẫn thống kê các lĩnh vực xanh theo văn bản số 9050/NHNN-TD

⁴ Nguồn: Báo cáo của Ngân hàng phát triển Châu Á

⁵ Nguồn: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

⁶ Nguồn: Thống kê của Ngân hàng Nhà nước

⁷ Nguồn: Viện chiến lược và chính sách Tài chính, Bộ Tài chính

⁸ Nguồn: Công bố của EVNFinance

hướng dẫn rõ ràng và nghiên cứu điển hình thí điểm⁹. Ngoài ra, khi thị trường các-bon trên thế giới đang phát triển ngày càng mạnh mẽ với hơn 70 chương trình về định giá các-bon được thực hiện ở các quốc gia¹⁰, Việt Nam vẫn còn đang trong giai đoạn đầu phát triển của công cụ này, với kế hoạch chính thức đưa vào vận hành vào năm 2028¹¹.

Tiềm năng cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam vẫn còn vô cùng to lớn. Về điều kiện tự nhiên, Việt Nam có lợi thế nhờ tài nguyên thiên nhiên dồi dào như rừng tự nhiên với độ che phủ rừng quốc gia ở mức trên 40% đem lại nguồn dự trữ carbon lớn. Vị trí địa lý và địa hình đem lại tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo mạnh mẽ, với tiềm năng sản xuất năng lượng mặt trời khoảng 840 GW, và tiềm năng sản xuất năng lượng gió khoảng 350 GW, đứng thứ hai khu vực Đông Nam Á¹². Bên cạnh đó, Việt Nam là một trong những nước có tốc độ phát triển nhanh nhất về nền kinh tế số trong khu vực, với quy mô thị trường kinh tế số khoảng 23 tỷ USD năm 2022 và dự kiến có thể đạt đến 50 tỷ USD năm 2025. Về xã hội, sự tăng trưởng nhanh của tập người tiêu dùng với nhận thức ngày càng cao về kinh tế xanh, với hơn 80% sẵn sàng chi trả nhiều hơn cho sản phẩm xanh, cũng tạo nên sự thúc đẩy cho tiềm năng tăng trưởng xanh quốc gia.

Nếu tận dụng triệt để được những tiềm năng, thế mạnh của quốc gia, những lợi ích kinh tế xã hội có thể đạt được cho Việt Nam khi xây dựng thành công nền kinh tế xanh là rất lớn. Số liệu từ một số quốc gia tiên tiến hơn trên con đường phát triển tăng trưởng xanh đã cho thấy những lợi ích này. Ví dụ, tại Trung Quốc, trong năm 2021, đóng góp của các ngành bảo tồn năng lượng và bảo vệ môi trường đạt mức 6,7% tổng GDP, hay 1,18 triệu USD¹³. Tại Hoa Kỳ, tính đến năm 2020, nền kinh tế xanh đã đóng góp trên 7% GDP (tương đương 1,3 nghìn tỷ đô la Mỹ/năm). Còn tại các nước OECD (không tính Hoa Kỳ), con số tương ứng là 10% GDP (tương đương 2,9 nghìn tỷ đô la Mỹ/năm)¹⁴. Trong khu vực ASEAN, trong giai đoạn 2017–2021, Malaysia đã thu hút được hơn 11 tỷ USD từ FDI cho các dự án tăng trưởng xanh¹⁵.

Như vậy, dù với đà tăng trưởng mạnh mẽ, nền kinh tế xanh của Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ sơ khai, vẫn còn nhiều thách thức mà chính phủ và nhà nước Việt Nam cần quan tâm, xem xét, và tìm phương hướng giải quyết. Trong số đó, **03 nhóm thách thức** có ảnh hưởng lớn nhất đến khả năng phát triển nền kinh tế xanh bền vững của Việt Nam bao gồm: **thứ nhất**, nhiều mục tiêu, định hướng và hành động trong chiến lược và chương trình hành động tăng trưởng xanh hiện còn cần được lồng ghép hoặc chi tiết hóa, đặc biệt ở các nội dung chuyên ngành (ví dụ như trong Quy hoạch năng lượng quốc gia, các quy hoạch hoặc chiến lược phát triển giao thông), liên ngành (các quy hoạch hoặc chiến lược trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đa ngành), và cả ở cấp địa phương (cấp tỉnh và thành phố). **Thứ hai**, Việt Nam vẫn còn thiếu một hệ thống cơ sở pháp lý cho tăng trưởng xanh đồng bộ, chặt chẽ, đặc biệt là một hệ thống phân loại xanh (“Green taxonomy”) hoàn chỉnh, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế

⁹ Nguồn: Báo cáo của S&P Global

¹⁰ Nguồn: Thông kê từ WorldBank

¹¹ Nguồn: Nghị Định 06/2022/NĐ-CP về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

¹² Nguồn: Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế – Triển vọng Năng lượng Tái tạo cho ASEAN phiên bản thứ 2 (2022)

¹³ Nguồn: Báo cáo của Văn phòng Thông tin Hội đồng Nhà nước của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa (2023)

¹⁴ Nguồn: Báo cáo của OECD

¹⁵ Nguồn: Nghiên cứu của BCG Global Advantage

làm nền tảng, và theo đó là các cơ chế chính sách hỗ trợ, như các ưu đãi đầu tư xanh, hay các chương trình dự án thí điểm xanh. Hệ thống phân loại xanh sẽ đóng vai trò cốt yếu trong việc cung cấp các tiêu chí rõ ràng và nhất quán để xác định các hoạt động kinh tế có tính bền vững về môi trường, giúp thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm, từ đó tạo điều kiện thu hút các khoản đầu tư, các nguồn lực tài chính, đặc biệt là tài chính quốc tế có nhu cầu đầu tư cho các hoạt động xanh ở thị trường Việt Nam. **Thứ ba**, Hệ thống tài chính xanh còn non trẻ khiến các dự án xanh gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn tài chính, bao gồm cả huy động vốn hoặc tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi. Điều này đến từ hệ thống cơ sở pháp lý về tài chính xanh chưa hoàn thiện (ví dụ như trong trường hợp của thị trường trái phiếu xanh) và các công cụ huy động tài chính xanh mới còn chưa được triển khai (ví dụ như thị trường các-bon).

II. Các định hướng tích hợp và nguồn tài chính cần thiết để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh một cách tối ưu

Nhằm tìm ra phương hướng và hành động cụ thể để vượt qua những thách thức trên, Bộ KH&ĐT đã cùng BCG nghiên cứu, xây dựng các kịch bản lộ trình tăng trưởng xanh và từ đó, xác định những bước đột phá cần thiết trong từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, **để đảm bảo các tác động kinh tế và xã hội tốt nhất cho con người Việt Nam và đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực và nguồn tài nguyên quý giá của nước nhà**. Lộ trình tăng trưởng xanh tối ưu của dự án đã cập nhật những yếu tố mới nhất về chính sách, cũng như các mục tiêu kinh tế, xã hội từ Quy hoạch tổng thể quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (ví dụ như các mục tiêu về tăng trưởng GDP, mục tiêu dân số), các mục tiêu đề ra trong Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JET-P) của Việt Nam (ví dụ như định phát thải từ sản xuất điện không quá 170 triệu tấn CO₂tđ vào năm 2030, ít nhất 47% nguồn điện được sản xuất từ năng lượng gió, mặt trời hoặc thủy điện vào năm 2030), cũng như các quy hoạch, chiến lược ngành mới nhất, bao gồm Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), v.v.

Theo nghiên cứu tại Báo cáo, nếu triển khai thành công theo lộ trình tăng trưởng xanh tối ưu trên, các lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường cho quốc gia là vô cùng to lớn. Theo tính toán này, **đến năm 2050, nền kinh tế xanh có thể đóng góp thêm đến 300 tỷ USD mỗi năm vào tổng GDP quốc gia, tạo ra hơn một triệu việc làm trực tiếp cho Việt Nam và đảm bảo đạt được các cam kết về PTR0 vào năm 2050** đã được đề ra của Nhà Nước.

Để đạt được những mục tiêu này, Việt Nam cần có những định hướng rõ ràng, tập trung vào các ngành, lĩnh vực thiết yếu nhất giúp kích hoạt các lợi thế tự nhiên và vươn lên trở thành nước phát triển trên cả ba yếu tố môi trường, kinh tế và xã hội trong thời kỳ dài hạn. 04 nhóm lĩnh vực thiết yếu được đề xuất cùng những định hướng cụ thể để xanh hóa các lĩnh vực này như sau:

Định hướng thứ nhất là đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo (NLTT), đặc biệt là điện gió và điện mặt trời. Trong thời điểm ngắn và trung hạn, phát triển NLTT song song với việc củng cố lưới điện nhằm đảm bảo tính dẻo dai của hệ thống, đồng thời hỗ trợ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Mục tiêu đến năm 2030, thực hiện được các mục

tiêu đề ra trong Quy hoạch điện VIII và thỏa thuận JETP, xây dựng hệ thống NLTT đạt công suất gấp 4-5 lần so với năm 2020, đồng thời đưa các dự án công nghệ mới pin lưu trữ năng lượng và thủy điện tích năng nhằm tăng độ dẻo dai cho lưới điện. Trong tầm nhìn dài hạn đến 2050, NLTT đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế xanh bền vững với hơn 50% lượng điện sản xuất đến từ điện gió và mặt trời, đem lại khả năng tự chủ hệ thống năng lượng quốc gia.

Định hướng thứ hai là phát triển hệ sinh thái Hydro sạch dựa trên nền tảng năng lượng tái tạo nhằm phục vụ cho các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, hay làm nguồn điện dự phòng. Theo tính toán của BCG, đến năm 2050, nhu cầu nội địa cho khí hydro sạch sẽ đạt khoảng 25-45 triệu tấn. Trong bối cảnh nội địa hóa hoàn toàn, hệ sinh thái Hydro sạch sẽ tạo ra các lợi ích kinh tế xã hội đáng kể với việc đóng góp thêm 40-45 tỷ USD vào GDP và tạo ra khoảng 40-50 nghìn việc làm từ sản xuất, vận chuyển và phân phối hydro sạch. Để khai thác triệt để những lợi ích tiềm năng của hydro sạch, Việt Nam phải áp dụng một cách tiếp cận toàn diện dài hạn nhằm giải quyết toàn bộ chuỗi giá trị hydro, từ sản xuất đến bước sử dụng cuối cùng. Trong ngắn hạn, trọng tâm là nhanh chóng triển khai các dự án sản xuất và ứng dụng hydro sạch thí điểm, đặc biệt chú trọng đến các ứng dụng công nghiệp như sản xuất a-mô-ni-ắc và phân bón tại khu vực phía Nam Việt Nam. Trong trung hạn, mục tiêu là đẩy nhanh hơn nữa việc áp dụng hydro sạch trong các lĩnh vực khác, đặc biệt là trong sản xuất điện và vận tải cũng như phát triển trung tâm hydro sạch quy mô lớn. Trong dài hạn, vận dụng và phát huy tiến bộ của giai đoạn trước với mục tiêu trở thành quốc gia dẫn đầu châu Á và là quốc gia đứng đầu về xuất khẩu hydro sạch, với một hệ sinh thái và chuỗi giá trị hoàn chỉnh bao gồm sản xuất, phân phối và sử dụng.

Định hướng thứ ba là chuyển đổi năng lượng ngành giao thông vận tải và logistic dựa trên nguồn năng lượng tái tạo và hệ sinh thái Hydro sạch. Việt Nam cần chuyển dịch hệ thống phương tiện giao thông đường bộ từ động cơ đốt trong sang xe điện bằng pin và xe điện chạy bằng khí Hydro. Theo tính toán của BCG, chỉ tính riêng phương tiện đường bộ, việc chuyển dịch hoàn toàn có thể mang lại cho Việt Nam 50-60 tỷ USD về GDP, hơn 150 nghìn việc làm và giảm 200 triệu tấn CO₂tđ so với mức cơ sở vào năm 2050. Nhằm xây dựng hệ thống giao thông sạch, Việt Nam cần cấp tốc thực hiện áp dụng các giải pháp và chính sách khuyến khích và thúc đẩy người dân. Trong ngắn hạn, tập trung thí điểm và xây dựng các cơ sở hạ tầng trạm sạc xe điện và các trạm bơm nguyên liệu thay thế (khí Hydro, khí thiên nhiên, xăng sinh học...), đồng thời xây dựng các chính sách ưu đãi nhằm kích cầu xe điện. Trong trung hạn, phấn đấu nội địa hóa chuỗi cung ứng xe điện tại Việt Nam, khuyến khích chuyển đổi các nhà máy sản xuất xe động cơ đốt trong sang sản xuất xe điện. Trong dài hạn, mục tiêu tất cả phương tiện cơ giới đường bộ đều sử dụng điện hoặc năng lượng sạch vào năm 2045, đồng thời phấn đấu trở thành một trong những quốc gia đi đầu về sản xuất và cung cấp phương tiện, giải pháp giao thông xanh cho khu vực và toàn cầu.

Định hướng thứ tư là xanh hóa các ngành công nghiệp và sản xuất nhờ áp dụng các công nghệ thu giữ các-bon, chuyển đổi, nâng cao hiệu suất của quy trình sản xuất và sử dụng năng lượng bền vững. Việc xanh hóa các ngành công nghiệp tạo tiền đề giúp Việt Nam mở ra các ngành công nghiệp mới như sản xuất thép xanh, vật liệu xây dựng bền vững hay phát triển ngành công nghệ cao như sản xuất bán dẫn. Không chỉ dừng lại ở trong nước, với việc sản xuất các sản phẩm xanh, ít phát thải, Việt Nam còn có thể tiếp

cận các thị trường mới với nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường. Đặc biệt với Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon của EU, các doanh nghiệp đang đứng trước cơ hội lớn để tiếp cận thị trường EU hoặc rủi ro trong hoạt động nếu không chịu thay đổi. Trong ngắn hạn, định hướng tối ưu hóa, điện khí hóa quy trình sản xuất; xây dựng kế hoạch thí điểm các dự án thu giữ, sử dụng và lưu trữ các-bon (CCUS) trong các ngành phát thải cao như sản xuất xi măng. Trong trung và dài hạn, mở rộng các dự án CCUS sang các ngành phát thải cao khác như sản xuất thép và hóa chất; thí điểm và khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng phương pháp sản xuất ít các-bon trong ngành thép, ví dụ như sử dụng sắt hoàn nguyên trực tiếp cùng với lò hồ quang điện.

Ngoài ra, **Nông nghiệp xanh, Lâm nghiệp, Quản lý chất thải và nước thải, và Công trình xanh** cũng đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Những ngành công nghiệp này không chỉ đảm bảo tính bền vững mà còn góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế và tạo ra nhiều cơ hội việc làm. Các ngành này cũng có thể hỗ trợ và bổ sung các ngành chính hiện tại, giúp đẩy nhanh tiến trình hướng tới tăng trưởng xanh.

Theo tính toán tại Báo cáo, để triển khai thành công những định hướng nói trên và đạt mục tiêu PTR0 vào năm 2050, Việt Nam sẽ cần huy động thêm 144 tỷ USD trong giai đoạn 2021-2050 (thời giá năm 2020, chiết khấu 10%, hoặc 872 tỷ USD không chiết khấu), tương ứng khoảng 2,2% của GDP (Con số này cho các quốc gia trên thế giới là: Hoa Kỳ, khoảng 1,2 đến 2,4% GDP; Trung Quốc, khoảng 2,1% GDP; Nhật Bản, khoảng 1,5 đến 2,5% GDP; Ấn Độ, khoảng 2,5 đến 3% GDP, Nam Phi, khoảng 4.4% GDP)¹⁶. Trên cơ sở đó, ưu tiên then chốt đối với nền tài chính xanh tại Việt Nam bao gồm việc thúc đẩy phát triển những công cụ và cơ chế tài chính xanh, song song với huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong nước và quốc tế.

Về các công cụ và cơ chế tài chính xanh, trong những năm gần đây các quốc gia trên thế giới đã phát triển và áp dụng nhiều công cụ và cơ chế tài chính mới giúp huy động nguồn vốn cho các dự án xanh. Những công cụ này được áp dụng tùy thuộc theo mức độ rủi ro và tỷ lệ hoàn vốn của dự án, đảm bảo sự phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của các nguồn vốn đầu tư khác nhau. Với hiện trạng vẫn còn thiếu vắng các công cụ và cơ chế cho đầu tư bền vững, thị trường tài chính xanh tại Việt Nam vẫn còn nhiều cơ hội để cải thiện, thông qua việc hỗ trợ các tổ chức tài chính phát triển những sản phẩm này và giúp các dự án xanh thu hút được khoản đầu tư cần thiết. Nhóm nghiên cứu xác định các công cụ, cơ chế trọng điểm, cần được ưu tiên triển khai áp dụng trong lộ trình phát triển tài chính xanh tại Việt Nam bao gồm thứ nhất, trái phiếu xanh; thứ hai, tài chính dự án xanh thông qua các khoản vay xanh và vốn sở hữu xanh; thứ ba, tài chính kết hợp và thứ tư, thị trường các bon.

Về nguồn vốn đầu tư, dựa vào kinh nghiệm từ các đối chuẩn quốc tế, cơ cấu nguồn vốn đề xuất đối với Việt Nam sẽ bao gồm: từ 20% đến 30% (28-42 tỷ USD) đến từ vốn nhà nước, 50% đến 60% (72-86 tỷ USD) từ nguồn vốn tư nhân trong nước, và 10% đến 20% (15-29 tỷ USD) từ nguồn vốn hỗ trợ biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh quốc tế. Với cơ cấu nguồn vốn này, các kênh huy động vốn tiềm năng được xác định là ưu tiên

¹⁶ Nguồn: Ủy ban Toàn cầu về Kinh tế và Khí hậu; Ngân hàng Thế giới, “Phát thải ròng bằng 0 ở Trung Quốc: Cuộc cách mạng công nghệ sạch” - Goldman Sachs; ‘Phát thải ròng bằng 0 cho Nam Phi’ - PwC. Mức đầu tư của Ấn Độ là cho giai đoạn 2021-2070 do Ấn Độ đạt mục tiêu PTR0 vào năm 2070

trong ngắn hạn nhằm khởi động hệ thống tài chính xanh tại Việt Nam gồm thứ nhất, các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại; thứ hai, các tổ chức tài chính phát triển quốc tế (DFI); thứ ba, thỏa thuận hợp tác JETP; thứ tư, các doanh nghiệp nhà nước; thứ năm, các doanh nghiệp tư nhân và thứ sáu, các quỹ biến đổi khí hậu, quỹ đầu tư xanh quốc tế. Ngoài ra, quỹ đầu tư xanh Quốc gia được xác định là ưu tiên dài hạn, cần thực hiện xây dựng tiền đề từ sớm.

Về lộ trình triển khai, trong ngắn hạn, việc xây dựng những nền móng cho Tài chính xanh Quốc gia là vô cùng cần thiết. Những nền móng này bao gồm nhanh chóng đưa ra Kế hoạch huy động và quản lý nguồn lực đầu tư và tài chính cho tăng trưởng xanh của Việt Nam, thiết lập Hệ thống Đo lường, giám sát và báo cáo (MRV), đẩy mạnh đầu tư nhà nước và hợp tác với các tổ chức quốc tế để phát triển những công nghệ mới ở giai đoạn nghiên cứu và thí điểm. Ngoài ra, Việt Nam cần hoàn thiện cơ chế pháp lý cho những công cụ tài chính mới như trái phiếu xanh, thị trường các-bon; phát triển những hướng dẫn triển khai đồng bộ, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và những chính sách ưu đãi tài khóa hoặc phi tài khóa để giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp trong đầu tư vào các dự án xanh. Trong trung và dài hạn, các khuôn khổ luật pháp và cơ chế ưu đãi phù hợp cần liên tục được cập nhật, đồng thời đẩy mạnh hoàn thiện thị trường trái phiếu xanh và thị trường các-bon với sự áp dụng rộng khắp ở các phân ngành trong nền kinh tế xanh, phát triển tiềm năng xuất khẩu của những sản phẩm xanh chủ chốt.

III. Các yếu tố để thành công

Để huy động hiệu quả nguồn lực tài chính và triển khai thành công các định hướng nêu trên, Việt Nam cần phải xác định rõ ràng và xây dựng các yếu tố then chốt hỗ trợ thành công. Khi nghiên cứu và so sánh bài học từ các quốc gia đã gặt hái được nhiều thành công trong chặng đường tăng trưởng xanh, nhóm nghiên cứu đã rút ra 5 yếu tố hỗ trợ thành công, bao gồm: thứ nhất, các chiến lược và lộ trình tăng trưởng xanh chi tiết và rõ ràng, thứ hai, hệ thống khung pháp lý đồng bộ với các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ tăng trưởng xanh phù hợp, thứ ba, việc triển khai sớm các dự án xanh thí điểm, đặc biệt trong những ngành, lĩnh vực công nghệ mới, thứ tư, kế hoạch huy động và quản lý nguồn lực đầu tư và tài chính cho tăng trưởng xanh toàn diện, và thứ năm, đội ngũ hoặc hệ thống quản trị chiến lược xanh tích cực và sát sao.

Về các chiến lược và lộ trình tăng trưởng xanh: Một hệ thống các chiến lược với các mục tiêu được lồng ghép chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau cùng với một lộ trình phát triển chi tiết là yếu tố thành công đã được nhiều quốc gia dẫn đầu trên thế giới áp dụng triệt để. Ví dụ, tại Liên Minh Châu Âu, Chiến lược Thỏa thuận Xanh (EU Green Deal) đóng vai trò làm “kim chỉ nam”, định hướng cho toàn ngành và khối kinh tế, và được hỗ trợ, củng cố và chi tiết hóa bởi một hệ thống các chiến lược ngành (ví dụ Kế hoạch REPowerEU cho ngành năng lượng, Kế hoạch Thỏa thuận Xanh ngành công nghiệp, Kế hoạch phát triển khí Hydro). Đối với Việt Nam, việc tiếp tục triển khai hệ thống chiến lược phát triển ngành - đặc biệt là đối với các ngành, lĩnh vực phức tạp, mới – đồng thời ban hành, áp dụng xuống các cấp điều hành, quản lý sẽ giúp hoàn thiện thể chế, đảm bảo tính chi tiết và dễ dàng trong việc triển khai các giải pháp Tăng trưởng Xanh.

Về cơ sở pháp lý và cơ chế chính sách hỗ trợ: hệ thống phân loại xanh là nền tảng cho các cơ chế chính sách và chiến lược về tăng trưởng xanh và tăng trưởng bền vững. Việt Nam cần gấp rút nghiên cứu và hoàn thiện bộ phân loại xanh toàn diện, tạo cơ sở để đưa ra thêm các cơ chế chính sách thu hút đầu tư và hỗ trợ triển khai các dự án xanh. Song song với đó, Việt Nam có thể nghiên cứu ứng dụng bài học của các nước quốc tế, ví dụ như Trung Quốc, trong việc triển khai cơ chế chính sách ưu đãi cho các ngành xanh theo từng đợt, với đợt đầu tiên bao gồm các cơ chế thí điểm, và dần dần điều chỉnh bổ sung theo tiến độ phát triển và độ hoàn thiện của các cơ sở pháp lý khác.

Về chương trình dự án thí điểm: các dự án thí điểm, hay dự án “hải đăng” là một chiến lược đã được rất nhiều quốc gia đang dẫn đầu thế giới trong cuộc chạy đua về tăng trưởng xanh ứng dụng. Ví dụ, tại Trung Quốc hơn 40 dự án thu hồi và lưu giữ các-bon thí điểm đã đi vào hoạt động hoặc đang triển khai¹⁷, Hoa Kỳ mới đây vừa công bố chương trình hỗ trợ tối đa 2,5 tỷ USD để xây dựng 6 dự án thí điểm về thu giữ các-bon, và 7 tỷ USD nhằm xây dựng 6 đến 10 trung tâm hydro “H2hubs”¹⁸. Các dự án thí điểm sẽ tạo ra mô hình mẫu về việc ứng dụng công nghệ mới, cũng như cách thức kêu gọi tài chính, xử lý các vấn đề khúc mắc liên quan đến cơ chế chính sách để doanh nghiệp và cơ quan chức năng học hỏi. Tại Việt Nam, việc triển khai mô hình các dự án thí điểm này là cần thiết, tuy nhiên cần có những cơ chế, hướng dẫn rõ ràng cho các tiêu chí lựa chọn, các ưu tiên cụ thể mà dự án thí điểm sẽ nhận được, cách thức cũng như đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, triển khai chương trình.

Về kế hoạch huy động và quản lý nguồn lực đầu tư và tài chính cho tăng trưởng xanh: Nguồn lực tài chính cần thiết để đạt được cả ba mục tiêu của tăng trưởng xanh sẽ là vô cùng lớn. Để huy động nguồn lực này, nhiều nước trên thế giới đã vạch ra những chiến lược vô cùng cụ thể cho tài chính tăng trưởng xanh, ví dụ như Singapore với Kế hoạch hành động Tài chính xanh (2019), trong đó bao gồm cả các định hướng, hướng dẫn theo từng ngành (ví dụ, ngân hàng, bảo hiểm, quản lý tài sản v.v) và cả cơ chế cho Chương trình đầu tư xanh của Chính phủ với ngân sách 2 tỷ USD¹⁹. Đối với Việt Nam, việc triển khai một Kế hoạch huy động và quản lý nguồn lực đầu tư và tài chính cho tăng trưởng xanh toàn diện, tích hợp tất cả các nguồn đầu tư, công cụ sẵn có và các tiêu chuẩn quốc tế là vô cùng cần thiết.

Về quản trị cho chiến lược tăng trưởng xanh: Các quốc gia đi đầu trong tăng trưởng xanh đều có các cơ quan đa ngành phụ trách công tác quản lý, giám sát và thực thi các nhiệm vụ, ví dụ như Ủy ban Tổng thống về tăng trưởng xanh ở Hàn Quốc hay Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu ở Singapore. Tương tự, tại Việt Nam, ban chỉ đạo Quốc gia về tăng trưởng xanh đã được thành lập từ tháng 9 năm 2022 với các nhiệm vụ và quy chế hoạt động rõ ràng. Ban chỉ đạo quốc gia đóng vai trò then chốt trong công tác điều phối, lãnh đạo việc triển khai các chiến lược, sáng kiến tăng trưởng xanh. Để thực hiện thành công nhiệm vụ vô cùng khó khăn của mình, Ban chỉ đạo cần có sự nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của tăng trưởng xanh, có các mục tiêu rõ ràng, có sự trao đổi thường xuyên, và tinh thần sát sao, tích cực làm việc với các đối tác, chuyên gia, tổ chức quốc tế, tổ chức phát triển.

¹⁷ Nguồn: Báo cáo của S&P Global

¹⁸ Nguồn: Thông báo cơ hội tài trợ của Văn Phòng Trình diễn Năng Lượng Xanh (OCED) thuộc Bộ Năng lượng Hoa Kỳ (tháng 9 năm 2022 và tháng 2 năm 2023)

¹⁹ Nguồn: Kế hoạch hành động Tài chính xanh của Singapore

IV. Đề xuất, khuyến nghị

Trên cơ sở các nghiên cứu và đánh giá trên, để xây dựng các yếu tố thành công, tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai các định hướng tăng trưởng xanh dài hạn, 08 nhóm hành động trong khuôn khổ ngắn và trung hạn sau đây được đề xuất với Chính phủ, cụ thể như sau:

- **Thứ nhất**, triển khai, lồng ghép các mục tiêu và định hướng quan trọng của chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia vào các Quy hoạch và chiến lược ngành, liên ngành, liên vùng và địa phương, kèm theo kế hoạch hành động ưu tiên trong ngắn hạn đến 2025. Bộ KH&ĐT sẽ đóng vai trò làm cơ quan đầu mối để tăng cường phối hợp và hỗ trợ các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương.
- **Thứ hai**, xây dựng chiến lược quốc gia và lộ trình rõ ràng cho nhóm các ngành, lĩnh vực xanh quan trọng và phức tạp, đó là hydro sạch và giao thông và logistic xanh, với một cơ quan liên bộ đóng vai trò dẫn dắt, triển khai các chiến lược ngành này.
- **Thứ ba**, triển khai các dự án tăng tốc chiến lược tăng trưởng xanh tại cấp tỉnh, thành phố bắt đầu với nhóm 2 đến 3 tỉnh, thành phố cho một chương trình thí điểm, và từ đó nhân rộng mô hình, phương pháp thực hiện cho các tỉnh, thành phố khác trên cả nước.
- **Thứ tư**, các bộ, ngành và cơ quan liên quan phối hợp triển khai hoàn thiện hệ thống phân loại xanh đồng nhất cho Việt Nam nhằm theo dõi tiến độ Tăng trưởng xanh, tạo tiền đề để xác định, đưa ra các gói cơ chế ưu đãi hay giúp dễ dàng hợp tác với các đối tác công nghệ và nhà đầu tư.
- **Thứ năm**, việc nghiên cứu và ban hành các làn sóng chính sách khuyến khích hỗ trợ tăng trưởng xanh, bao gồm cả các chính sách đa ngành và chính sách cụ thể theo từng ngành, lĩnh vực.
- **Thứ sáu**, nghiên cứu và triển khai mô hình dự án thí điểm cho các lĩnh vực kinh tế xanh trọng điểm dựa trên đối chuẩn quốc tế, nhằm thử nghiệm và hoàn thiện các cơ chế hỗ trợ liên ngành và thu hút vốn FDI. Những lĩnh vực ưu tiên ban đầu bao gồm hydro sạch, giao thông xanh và ứng dụng lưu giữ các-bon trong sản xuất năng lượng và công nghiệp. Chương trình do bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, triển khai và giám sát.
- **Thứ bảy**, việc xây dựng một Kế hoạch huy động và quản lý nguồn lực đầu tư và tài chính cho tăng trưởng xanh một cách toàn diện, cụ thể, đảm bảo rằng các mục tiêu tăng trưởng xanh của nước nhà được thực hiện với việc sử dụng một cách tốt nhất các nguồn lực sẵn có.
- **Thứ tám**, Ban chỉ đạo Quốc gia về tăng trưởng xanh tăng cường đẩy mạnh công tác phối hợp liên bộ, theo sát việc thực thi triển khai những chủ trương, kế hoạch, định hướng sẵn có, đồng thời tích cực làm việc với các đối tác, chuyên gia, tổ chức quốc tế, tổ chức phát triển.

Tăng trưởng xanh là xu hướng của toàn cầu và con đường phát triển tất yếu cho Việt Nam. Tuy nhiên, là một trong những nước đi sau trong quá trình tăng trưởng xanh, Việt

Nam vẫn còn phải đối mặt nhiều khó khăn ở phía trước. Để vượt qua những khó khăn đó, Việt Nam cần nhanh chóng hình thành các lộ trình rõ ràng, tập trung vào đề xuất giá trị phù hợp sẽ không chỉ tối đa hóa cơ hội thành công của Việt Nam mà còn đảm bảo sử dụng hiệu quả nhất các nguồn tài nguyên. Những nghiên cứu, khuyến nghị và các hành động thực tiễn đã triển khai nhằm hỗ trợ Việt Nam trong việc xác định và ưu tiên các sáng kiến và đòn bẩy phù hợp cho lộ trình tăng trưởng xanh của quốc gia. Tăng trưởng xanh, giảm thiểu phát thải khí nhà kính đồng thời thúc đẩy thịnh vượng kinh tế và bình đẳng xã hội là một thách thức lớn lao, nhưng cũng là một trong những cơ hội hiếm có nhất cho Việt Nam trong thế kỷ 21.

Kết quả phối hợp giữa Bộ KH&ĐT và BCG trong khuôn khổ thúc đẩy tăng trưởng Xanh tại Việt Nam

Từ cuối 2022, với sự hỗ trợ của BCG, Bộ KH&ĐT đã nghiên cứu, đánh giá, và đưa ra các đề xuất kiến nghị những hành động và giải pháp nhằm tăng tốc quá trình Tăng Trưởng Xanh tại Việt Nam, đồng thời thực hiện các hành động như sau:

- Thứ nhất: **Hoàn thiện Báo cáo “Tăng Trưởng Xanh: Cơ Hội Đột Phá Và Hướng Đi Cho Việt Nam”** nhằm đánh giá hiện trạng, xây dựng chiến lược công nghệ lõi tài chính và đưa ra các đề xuất hành động cho Việt Nam
- Thứ hai: **Tổ chức Hội thảo “Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Lộ trình để thành công”** vào ngày 18 tháng 04 năm 2023 với sự quy tụ của hơn 200 nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo ngành, các nhà đầu tư, các học giả, và các tổ chức phi chính phủ (NGO) nhằm trao đổi và chia sẻ các giải pháp, kinh nghiệm nhằm xây dựng một tương lai bền vững hơn cho Việt Nam
- Thứ ba: **Nâng cao nhận thức và hiểu biết về Tăng Trưởng Xanh** cho Chính phủ, lãnh đạo địa phương, doanh nghiệp lẫn người dân trên toàn quốc thông qua những bài chia sẻ trên phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, báo chí.
- Thứ tư: **Liên tục kết nối với mạng lưới các nhà đầu tư, các định chế tài chính trên toàn cầu** và thiết lập các cuộc đối thoại nhằm tạo các cơ hội đầu tư lẫn các cơ hội học hỏi, trao đổi chuyên môn, qua đó xác định các điểm vướng mắc và các yếu tố hỗ trợ quan trọng để thúc đẩy thị trường tài chính xanh tại Việt Nam.



Giới thiệu về Boston Consulting Group

Boston Consulting Group hợp tác với các nhà lãnh đạo các doanh nghiệp, tổ chức xã hội để giải quyết những thách thức khó khăn nhất và giúp họ nắm bắt những cơ hội lớn nhất. Thành lập vào năm 1963, BCG là đơn vị tiên phong trong chiến lược kinh doanh. Ngày nay, chúng tôi hỗ trợ khách hàng triển khai các công cuộc chuyển đổi toàn diện, phức tạp, tạo điều kiện cho các tổ chức phát triển, xây dựng lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng lợi nhuận. Để thành công, các tổ chức phải kết hợp năng lực số và con người.

Đội ngũ chuyên gia tư vấn đa dạng, toàn cầu của chúng tôi am hiểu sâu về ngành và chức năng và có thể giới quan phong phú, thúc đẩy thay đổi và cải tiến không ngừng. BCG cung cấp các giải pháp thông qua tri thức tư vấn quản lý hàng đầu cùng với công nghệ và thiết kế, các hoạt động đầu tư kỹ thuật số và doanh nghiệp - và mục đích kinh doanh. Chúng tôi làm việc theo một mô hình hợp tác ưu việt trong toàn công ty và ở tất cả các cấp của tổ chức khách hàng, giúp khách hàng của chúng tôi không ngừng phát triển.